

Số: 286/QĐ-ĐHAG

Long Xuyên, ngày 06 tháng 03 năm 2009

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng  
hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Căn cứ Chương VI của “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ “Quy chế tạm thời về tổ chức hoạt động của Trường Đại học An Giang”, Ban hành theo Quyết định số 367/2000.UB.TC, ngày 02/03/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định của Trường Đại học An Giang về công tác đào tạo;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2009 (Học kỳ I, năm học 2009 – 2010). Các văn bản ban hành trước đây trái với nội dung Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Các ông, bà Trưởng khoa, Trưởng bộ môn trực thuộc, Trưởng phòng chức năng và toàn thể giảng viên, công nhân viên, sinh viên của Trường Đại học An Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu P. ĐT, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG *Luc*



LÊ MINH TÙNG

## QUY CHẾ

**Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 286/2009/QĐ-DHAG  
ngày 06 tháng 03 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá, các ngành đào tạo hệ chính quy trình độ đại học và cao đẳng tại Trường Đại học An Giang.

#### Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

2. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang phê duyệt.

3. Chương trình đào tạo được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

#### Điều 3. Học phần và Tín chỉ

##### 1. Học phần:

1.1. **Học phần** là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập.

Phần lớn các học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học.

Mỗi học phần được thiết kế kiểu module theo từng môn học hoặc tổ hợp nhiều môn học và được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

##### 1.2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

1.2.1. **Học phần bắt buộc** là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

1.2.2. **Học phần tự chọn** là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng

chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

Trong 02 học phần nói trên, tùy theo nội dung, tính chất liên hệ giữa các mảng kiến thức, có thể phân chia thành:

- **Học phần tiên quyết** là học phần bắt buộc sinh viên phải hoàn thành mới được phép đăng ký học học phần tiếp theo.

- **Học phần điều kiện** là học phần mà sinh viên phải hoàn tất để xét điều kiện tốt nghiệp nhưng điểm thi của các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK) và trung bình chung tích lũy (TBCTL).

Các học phần điều kiện gồm: Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng.

- **Học phần trước**: là học phần mà sinh viên cần phải có kiến thức thì mới được đăng ký học phần tiếp theo (sinh viên đã ít nhất một lần tham dự nhưng không nhất thiết phải đạt).

- **Học phần song hành** là học phần sinh viên có thể theo học đồng thời hoặc sau học phần nào đó.

- **Học phần tương đương** là học phần có nội dung và thời lượng đáp ứng được yêu cầu của học phần nào đó. Một học phần được công nhận tương đương với học phần khác khi học phần đó có nội dung giống ít nhất 80% và số tín chỉ bằng hoặc lớn hơn học phần so sánh.

## **2. Tín chỉ:**

**2.1. Tín chỉ** là đơn vị được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên.

Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết, 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận, 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở, 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

**2.2. Một tiết học tính bằng 50 phút.**

## **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 07 giờ đến 20 giờ 10 phút hằng ngày.

Tùy theo tình hình thực tế về số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất hiện có, Phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hằng ngày dựa trên đề nghị của Khoa cho các lớp.

## **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm TBCHK là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (*học kỳ chính*) với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

Điểm các học phần đăng ký ở học kỳ hè được tính chung vào học kỳ chính tiếp theo.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm TBCTL là điểm trung bình của các học phần đã tích lũy (*không tính các học phần điều kiện*) và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

5. Cách tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được áp dụng theo Điều 23 Quy chế này.

## Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ, được quy định cụ thể như sau:

**1.1. Khoá học** là thời gian mà sinh viên phải hoàn thành một chương trình cụ thể (chương trình đào tạo). Khoá học được quy định như sau:

- **Đào tạo trình độ cao đẳng** được thực hiện từ 02 đến 03 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 1,5 đến 02 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo;

- **Đào tạo trình độ đại học** được thực hiện từ 04 đến 06 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 2,5 đến 04 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ 1,5 đến 02 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

**1.2. Năm học** có 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài 02 học kỳ chính, nhà trường tổ chức thêm 01 học kỳ phụ (hè) để sinh viên có điều kiện học lại, học bù hoặc học vượt. Học kỳ phụ kéo dài 05 đến 07 tuần thực học và 01 tuần thi, xử lý kết quả.

**2. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình** được quy định như sau:

Chương trình đào tạo	Thời gian được phép kéo dài của khóa học	Thời gian tối đa được phép của toàn khóa học
Cao đẳng 03 năm	03 năm	06 năm
Đại học 04 năm	04 năm	08 năm

*Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.*

**3. Thời gian tối thiểu hoàn thành chương trình** được quy định như sau:

Tùy theo khả năng và điều kiện học tập của mình, sinh viên có thể đăng ký học tiến độ nhanh để rút ngắn thời gian học.

Chương trình đào tạo	Thời gian được phép rút ngắn tối đa của khóa học	Thời gian tối thiểu sau khi rút ngắn của toàn khóa học
Cao đẳng 03 năm	01 năm	02 năm
Đại học 04 năm	01 năm	03 năm

### **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Khi trúng tuyển vào Trường Đại học An Giang, sinh viên phải nộp hồ sơ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý tất cả hồ sơ sinh viên.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Trường và cấp cho họ:

- a) Thẻ Sinh viên;
- b) Sổ Đăng ký học tập;
- c) Phiếu nhận Cổ vấn học tập.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học của sinh viên phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học sẽ được Trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

### **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo**

1. Sau khi xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, nhà trường sẽ công bố những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển và sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Trường hợp xác định điểm trúng tuyển theo nhóm chương trình (hoặc theo nhóm ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khoá học, nhà trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào việc đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, trường sắp xếp sinh viên vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình hoặc ngành đào tạo theo thứ tự ưu tiên do trường quy định cụ thể đối với từng đợt tuyển sinh.

### **Điều 9. Tổ chức lớp học**

Lớp học được tổ chức theo 02 hình thức.

1. **Lớp Chuyên ngành** (Lớp Truyền thống hay Lớp Sinh hoạt): Những sinh viên cùng khóa tuyển sinh, đăng ký học cùng chuyên ngành đào tạo trong cùng khóa đào tạo, được tổ chức thành các Lớp Chuyên ngành. Lớp Chuyên ngành được duy trì để sinh hoạt đoàn thể, xét quá trình rèn luyện, lao động, khen thưởng, phổ biến những thông tin của khoa, trường đến sinh viên.

2. **Lớp Học phần** là lớp mà sinh viên đăng ký theo học cùng học phần. Mỗi học phần có thể được tổ chức thành nhiều Lớp Học phần và có mã số khác nhau.

- Số lượng sinh viên đăng ký  $\geq 20$  thì trường sẽ mở Lớp Học phần;
- Nếu số lượng sinh viên đăng ký  $< 20$  thì trường sẽ xóa Lớp Học phần (của năm học đó). Trong trường hợp này, sinh viên được phép đăng ký học phần khác.

### **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Đầu mỗi năm học, trường sẽ thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sau khi có ý kiến của Cố vấn học tập, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo của Trường. Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) **Đăng ký sớm** là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;

b) **Đăng ký bình thường** là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 03 tuần;

c) **Đăng ký muộn** là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. **Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ** được quy định như sau:

a) **Học kỳ chính:** đăng ký ít nhất là 14 tín chỉ và không quá 30 tín chỉ đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường. Đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu, số lượng đăng ký ít nhất là 10 tín chỉ nhưng không quá 14 tín chỉ. Đối với học kỳ cuối khóa học, sinh viên được phép đăng ký không quá 25 tín chỉ.

Sinh viên mới trúng tuyển, học kỳ đầu tiên không phải đăng ký mà học theo lịch bố trí các học phần của trường.

Để được xét cấp học bổng, sinh viên phải đăng ký ít nhất 15 tín chỉ trong một học kỳ.

b) **Học kỳ phụ (hè):** không bắt buộc và không quy định khối lượng học tập tối thiểu mà sinh viên đăng ký nhưng không được đăng ký vượt quá 10 tín chỉ.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo của trường.

5. Phòng Đào tạo của Trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của Cố vấn học tập trong Sổ Đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do phòng Đào tạo của trường quản lý.

### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 3 tuần kể từ đầu học kỳ chính, nhưng không muộn quá 4 tuần; sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ, nhưng không muộn quá 2 tuần. Ngoài thời hạn này, học phần vẫn được giữ

nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học thì sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt một số học phần đã đăng ký:

- a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo của Trường;
- b) Được Cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;
- c) Không vi phạm khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo về việc xin rút bớt học phần từ Phòng Đào tạo.

### **Điều 12. Đăng ký học lại**

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký đổi sang học phần cùng nhóm tự chọn có cùng số tín chỉ để học và thi.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần có điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

### **Điều 13. Nghỉ ốm**

Sinh viên nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi cho Trưởng khoa trong vòng 01 tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan Y tế (từ cấp quận, huyện trở lên).

### **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| a) Sinh viên năm thứ I:   | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;                    |
| b) Sinh viên năm thứ II:  | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;  |
| c) Sinh viên năm thứ III: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;  |
| d) Sinh viên năm thứ IV:  | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ; |

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) **Hạng bình thường:** Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) **Hạng yếu:** Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế (từ cấp quận, huyện trở lên);

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất 01 học kỳ ở trường và không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này đồng thời phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2, Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 01 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

### **Điều 16. Bị buộc thôi học**

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 2, Điều 6 của Quy chế này hoặc vượt quá thời hạn cho phép nghỉ học tạm thời hay tự ý bỏ học từ 01 học kỳ chính trở lên;

d) Không đóng học phí 02 học kỳ liên tiếp;

e) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

2. Chậm nhất là 01 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường phải thông báo trả về địa phương, nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

#### **2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:**

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ II phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ I và Khoa quản lý ngành thứ II còn khả năng tiếp nhận;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ I năm học đầu tiên của chương trình thứ I;

c) Sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ I;



3. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ II, phải dừng học thêm chương trình thứ II ở học kỳ tiếp theo và chỉ khi nào kết quả học tập được cải thiện thì mới được tiếp tục đăng ký học phần tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc 02 chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ I, quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ II, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ I.

5. Khi học thêm chương trình thứ II, các chế độ chính sách chỉ được tính đối với chương trình thứ I. Sinh viên học ngành thứ II được phép đăng ký học phần theo quy định ở Điều 10 của Quy chế này.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ II, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ I.

### **Điều 18. Chuyển trường**

**1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu hội đủ các điều kiện sau đây:**

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

**2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:**

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ I và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

**3. Thủ tục chuyển trường:**

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

### Chương III KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

#### Điều 19. Đánh giá học phần

1. **Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:** Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất với Trường khoa, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. **Đối với các học phần thực hành:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến 01 chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. **Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi,** đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần và có trách nhiệm đề nghị khoa duyệt danh sách sinh viên được phép dự thi và không được phép dự thi.

#### Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức 01 kỳ thi chính và 01 kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là 02 tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ quy định của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho 01 tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

#### Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. **Đề thi kết thúc học phần** phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. **Hình thức thi kết thúc học phần** có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần trên cơ sở đề xuất của Trường khoa.

3. **Việc chấm thi kết thúc các học phần** chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do 02 giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là 02 năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. **Thi vấn đáp kết thúc học phần** phải do 02 giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp 02 giảng viên chấm thi

không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn hoặc Trường khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả 02 giảng viên chấm thi và làm thành 04 bản. Một bản lưu tại Bộ môn, một bản gửi về Văn phòng Khoa, một bản gửi về phòng Đào tạo và một bản gửi về Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng của Trường, chậm nhất 01 tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

**5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần**, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi 01 lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được Trường khoa cho phép thì được dự thi 01 lần ở kỳ thi phụ sau đó.

**6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính**, nếu được Trường khoa cho phép thì được dự thi ở kỳ thi phụ sau đó. Điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ (nếu có).

## **Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

**1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần** được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

**2. Điểm học phần** là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến 01 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

### **a) Loại đạt:**

A (8,5 - 10): Giỏi

B (7,0 - 8,4): Khá

C (5,5 - 6,9): Trung bình

D (4,0 - 5,4): Trung bình yếu.

Điểm học phần của sinh viên chỉ được tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên.

### **b) Loại không đạt:**

F (dưới 4,0): Kém.

Các học phần có điểm F không được tích lũy vào điểm trung bình chung tích lũy.

**c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ**, khi xếp mức đánh giá được ký hiệu như sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

**d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm**, khi xếp mức đánh giá được ký hiệu **R** viết kèm với kết quả.

**3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:**

**a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận**, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I sang, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X sang.

**4. Việc xếp loại ở mức điểm F**, ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

**5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:**

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trường khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trường khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Đối với sinh viên không dự thi học phần, trong thời hạn tối đa 01 học kỳ, sinh viên phải đăng ký thi lại học phần đó. Khi có kết quả thi học phần, điểm I sẽ được chuyển điểm theo quy định. Nếu sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị chuyển thành điểm 0. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

**6. Việc xếp loại theo mức điểm X** được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyên lên.

**7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:**

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Để được điểm R, sinh viên phải làm đơn kèm theo chứng từ hợp lệ.

**Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung**

**1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:**

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức, Hiệu trưởng quy định quy đổi các mức điểm chữ đó qua các điểm số thích hợp, với một chữ số thập phân.

**2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:**

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$ ;

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$ ;

$n$  là tổng số học phần.

- Điểm trung bình chung học kỳ là trung bình có trọng số điểm của các học phần mà sinh viên tích lũy được trong học kỳ kể cả điểm F. Điểm trung bình học kỳ dùng để được xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất.

- Điểm trung bình chung tích lũy là trung bình có trọng số của học phần tích lũy tính đến thời điểm xét nhưng không tính các học phần có điểm F.

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

## Chương IV XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

### **Điều 24. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp**

1. Đầu học kỳ cuối khóa, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) **Làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp:** áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của Trường. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 07 tín chỉ cho trình độ đại học và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng.

b) **Học và thi một số học phần chuyên môn:** sinh viên không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, cụ thể là 07 tín chỉ đối với hệ đại học, 05 tín chỉ đối với hệ cao đẳng, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

### **2. Điều kiện làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được quy định:**

a) Sinh viên phải tích lũy ít nhất 100 TC đối với chương trình đào tạo 04 năm và 80 TC đối với chương trình đào tạo 03 năm và có điểm trung bình chung tích lũy từ loại khá (B) trở lên;

b) Đầu học kỳ cuối khóa, sinh viên phải làm đơn xin làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp nộp cho khoa. Căn cứ vào tình hình cơ sở vật chất, cán bộ hướng dẫn, điểm trung bình chung tích lũy (xét từ cao xuống thấp) Khoa quyết định số lượng sinh viên làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp;

c) Sinh viên thực hiện đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp trong thời gian của học kỳ cuối khóa học. Đối với những đề tài cần có thí nghiệm, khảo sát kéo dài, khoa, cán bộ

hướng dẫn phải có kế hoạch giao đề tài hoặc đăng ký đề tài sớm hơn. Sinh viên phải nộp đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp cho khoa chậm nhất vào tuần đầu tiên của tháng 06 hàng năm.

d) Có giảng viên từ trình độ thạc sĩ trở lên có chuyên môn phù hợp với đề tài sinh viên chọn nhận hướng dẫn. Những trường hợp đặc biệt khác, Trường khoa đề nghị để Hiệu trưởng quyết định.

**3. Thực tập cuối khóa:** Đối với sinh viên ngành Sư phạm, việc thực tập cuối khóa thực hiện theo Quyết định số 36/2003/QĐ-BGDĐT, ngày 01 tháng 08 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hành, thực tập Sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy. Đối với sinh viên không thuộc ngành Sư phạm, trường các khoa đề nghị bằng văn bản quy định về hình thức, nội dung thực tập phù hợp với ngành nghề đào tạo và Hiệu trưởng quyết định.

Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đề án, khóa luận tốt nghiệp, trường sẽ bố trí thời gian làm đề án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian sinh viên thực tập chuyên môn cuối khóa. Thực tập cuối khóa là học phần có khối lượng được tính 05 tín chỉ cho trình độ đại học và 04 tín chỉ cho trình độ cao đẳng.

#### **Điều 25. Chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp**

1. Việc chấm mỗi đề án, khóa luận tốt nghiệp phải do 03 giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên đảm nhiệm, trong đó có giảng viên hướng dẫn. Khoa giới thiệu cho phòng Đào tạo giảng viên chấm đề án, khóa luận và phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định.

2. Điểm của đề án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Kết quả chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp đề án, khóa luận tốt nghiệp.

Điểm đề án, khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình cộng của 03 giảng viên chấm và được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có đề án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đề án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đề án, khóa luận tốt nghiệp.

#### **Điều 26. Thực tập cuối khóa và điều kiện xét tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù**

Đối với một số ngành đào tạo đặc thù thuộc các lĩnh vực Nghệ thuật, Kiến trúc, Y tế, Thể dục - Thể thao, các Khoa đề xuất những quy định về nội dung, hình thức thực tập cuối khóa; hình thức chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của trường và Hiệu trưởng quyết định.

#### **Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được làm đơn xin Trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào đơn xin xét tốt nghiệp của sinh viên và các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trường phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa Chuyên môn, Trường phòng Công tác Sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

#### **Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo khi sinh viên hội đủ các điều kiện theo quy định của Quy chế này. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, cụ thể như sau:

- a) **Loại xuất sắc:** Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) **Loại giỏi:** Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) **Loại khá:** Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) **Loại trung bình:** Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học tại Trường, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng chuyển qua các chương trình khác thì được quyền làm đơn xin chuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

7. Để được cấp bằng tốt nghiệp và bản sao bằng tốt nghiệp, ngoài những quy định của Quy chế này, sinh viên phải có đủ chứng chỉ tin học và ngoại ngữ theo quy định của Trường ĐH An Giang (Số 264/QĐ-ĐHAG, ngày 17 tháng 03 năm 2008 về việc sửa đổi bổ sung quy định chứng chỉ tin học và ngoại ngữ đối với sinh viên đại học). Bằng tốt nghiệp chỉ cấp 01 lần. Nếu sinh viên làm hỏng hoặc mất thì có thể làm đơn gửi đến phòng Đào tạo để xin cấp Giấy xác nhận tốt nghiệp.

8. Trong khi chờ nhận bằng tốt nghiệp, sinh viên được cấp chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.

## **Chương V XỬ LÝ VI PHẠM**

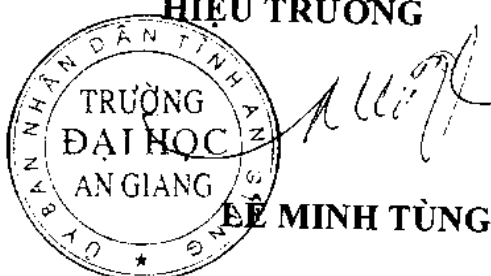
### **Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

**HIỆU TRƯỞNG**



**BÊ MINH TÙNG**